TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ UÔNG BÍ** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 10/2024/HNGĐ-ST Ngày: 16 - 4 - 2024 *V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ, TỈNH QUẢNG NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Hải.
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
1. Ông Nguyễn Đức Thuỷ.
2. Bà Vũ Thị Minh Thuỳ.
- *Thư ký phiên tòa:* Ông Phạm Văn Thắng -Thư kýTòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên toà:* Bà Lê Thị Kiều Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2024 về việc:*"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2024/QĐXXST – HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Phạm Thị Minh T, sinh năm 1995.

Địa chỉ: khu B, phường Đ, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt tại phiên tòa (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: anh Bùi Văn Th, sinh năm 1990.

Địa chỉ: khu Đ, phường T, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt tại phiên tòa (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 27 tháng 11 năm 2023, bản tự khai ngày 06 tháng 02 năm 2024, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị Minh T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Phạm Thị Minh T và anh Bùi Văn Th kết hôn ngày 16 tháng 8 năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Đ (nay là phường T), thành phố U, tỉnh Quảng Ninh, hai bên kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có nhiều mâu thuẫn xảy ra, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp tính nhau, bất đồng về quan điểm sống, mâu thuẫn

vợ chồng đã được gia đình khuyên can nhắc nhở nhưng vợ chồng không khắc phục được. Chị T và anh Th đã sống ly thân được 10 năm và không còn quan tâm đến nhau. Nay chị T xác định không còn tình cảm và không thể duy trì quan hệ hôn nhân với anh Th nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh Bùi Văn Th.

- Về con chung: chị T và anh Th có 01 con chung tên là Bùi Ngọc Gia B, sinh ngày 17/8/2013. Nếu ly hôn, chị T đề nghị Toà án giao con chung Bùi Ngọc Gia B cho anh Th trực tiếp nuôi và chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 06 tháng 02 năm 2024, bị đơn anh Bùi Văn Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh Th và chị T kết hôn ngày 16 tháng 8 năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Đ (nay là phường T), thành phố U, tỉnh Quảng Ninh và hai bên kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng về sống với nhau phát sinh nhiều mâu thuẫn và hai người đã sống ly thân 10 năm. Nay chị T có đơn xin ly hôn với anh Th, anh Th đồng ý và đề nghị Toà án giải quyết cho anh Th được ly hôn với chị T.

- Về con chung: anh Th và chị T có 01 con chung tên là Bùi Ngọc Gia B, sinh ngày 17/8/2013. Nếu ly hôn, anh Th đề nghị Toà án giao con chung Bùi Ngọc Gia B cho anh Th trực tiếp nuôi và anh Th không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra anh Th có ý kiến xin được vắng mặt tại các buổi làm việc với Toà án, xin được vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, xin được vắng mặt tại phiên toà sơ thẩm và đề nghị Toà án xét xử vụ án vắng mặt anh Th, anh Th giữ nguyên quan điểm như bản tự khai nêu trên.

Tại văn bản ghi ý kiến ngày 21/02/2024, cháu Bùi Ngọc Gia B là con chung của chị T và anh Th có ý kiến: Nếu Toà án giải quyết mẹ cháu là chị T và bố cháu là anh Th được ly hôn thì nguyện vọng của cháu Gia B muốn ở với bố là anh Bùi Văn Th.

Tại biên bản xác minh ngày 21 tháng 02 năm 2024, đại diện chính quyền khu Đền Công 1, phường Trưng Vương cung cấp thông tin không nắm được mâu thuẫn vợ chồng của chị T và anh Th, chính quyền khu chỉ biết hiện nay chị T và anh Th không sống chung với nhau nữa. Chị T và anh Th có 01 con chung là cháu Bùi Ngọc Gia B, hiện nay cháu Gia B đang ở với anh Th và gia đình bên nội.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn đã được tiếp cận và không có ý kiến gì, bị đơn có đơn xin vắng mặt tại các buổi làm việc với Toà án.

Tại đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ngày 02 tháng 4 năm 2024, nguyên đơn chị Phạm Thị Minh T giữ nguyên quan điểm xin ly hôn với anh Th, đề nghị

Toà án giao con chung cho anh Th trực tiếp nuôi và chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung, về tài sản chung: chị T không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí phát biểu ý kiến:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy đinh khi thụ lý vụ án về trình tự, thủ tục, thẩm quyền, xác định mối quan hệ tranh chấp và tư cách của những người tham gia tố tụng. Các hoạt động xác minh thu thập chứng cứ, hòa giải, thời hạn giải quyết vụ án đảm bảo quy định.

Hội đồng xét xử và Thư ký phiên toà đã tuân theo đúng và đầy đủ quy định về pháp luật tố tụng dân sự khi xét xử. Nguyên đơn và bị đơn cơ bản đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Chị Phạm Thị Minh T và anh Bùi Văn Th kết hôn theo quy định của pháp luật. Cuộc sống vợ chồng chỉ hạnh phúc được một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp tính nhau, bất đồng về quan điểm sống. Mâu thuẫn đã được gia đình khuyên can nhắc nhở nhưng không khắc phục được, anh chị đã ly thân được 10 năm nay không còn tình cảm, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị T xác định không còn tình cảm vợ chồng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên xin ly hôn với anh Th. Do con chung Bùi Ngọc Gia B, sinh ngày 17/8/2013 hiện đang ở với bố nên chị T đề nghị giao con chung cho anh Th nuôi dưỡng, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Bị đơn là anh Bùi Văn Th có văn bản nêu ý kiến gửi Tòa án, thừa nhận việc kết hôn, con chung, mâu thuẫn vợ chồng và đã ly thân như nguyên đơn trình bày. Anh đồng ý với toàn bộ các nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng xin vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc và phiên tòa xét xử vụ án. Con chung cũng có nguyện vọng được ở với bố nếu bố mẹ ly hôn. Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật HNGĐ, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, cho chị T được ly hôn với anh Th. Giao con chung cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, hai đương sự không có yêu cầu giải quyết nên không đề cập đến. Về án phí: nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của các đương sự, đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn giữa các đương sự, bị đơn có địa chỉ tại thành phố Uông Bí và nguyên đơn khởi kiện tại Tòa án thành phố Uông Bí là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chị Phạm Thị Minh T và bị đơn anh Bùi Văn Th đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung cần giải quyết của vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: chị Phạm Thị Minh T và anh Bùi Văn Th có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ lời khai của đương sự và biên bản xác minh của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án cùng các tài liệu, chứng cứ khác, Hội đồng xét xử nhận định nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị T và anh Th là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, từ những nguyên nhân này là cuộc sống vợ không hạnh phúc, mâu thuẫn đỉnh điểm dẫn đến hai người đã sống ly thân trong khoảng thời gian rất dài (10 năm) và các bên đều không có giải pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng kể từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay. Chị T và anh Th đều đề nghị Toà án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn. Như vậy, có cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng chị T và anh Th đã trầm trọng, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được và không thể kéo dài nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Th với anh Th là hoàn toàn có cơ sở, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung:

Các đương sự có 01 con chung là cháu Bùi Ngọc Gia B, sinh ngày 17/8/2013, các đương sự đều có quan điểm nếu ly hôn giao con chung cho anh Th trực tiếp nuôi, sự thỏa thuận này phù hợp với nguyện vọng của cháu B, hơn nữa cháu B hiện nay đang sống và học tập ổn định với anh Th, vì vậy Hội đồng xét xử giao con chung Bùi Ngọc Gia B cho anh Bùi Văn Th trực tiếp nuôi là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Sau khi ly hôn, quyền và nghĩa vụ của đương sự đối với con chung theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung:

Chị Phạm Thị Minh T và anh Bùi Văn Th đều không đề nghị Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[2.4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Nguyên đơn chị Phạm Thị Minh T phải nộp theo quy định.

[3] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238; khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn của chị Phạm Thị Minh T.

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Phạm Thị Minh T được ly hôn anh Bùi Văn Th.

2. Về nuôi con chung: giao con chung Bùi Ngọc Gia B, sinh ngày 17 tháng 8 năm 2013 cho anh Bùi Văn Th trực tiếp nuôi kể từ tháng 4 năm 2024 cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Chị Phạm Thị Minh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, đồng thời không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: chị Phạm Thị Minh T phải chịu 300.000^{đ} (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm (chị T được trừ án phí bằng tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000^{đ} theo biên lai thu số 0002584 ngày 08 tháng 01 năm 2024 tại Chi cục thi hành án dân sự Thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh). Chị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt nguyên đơn chị Phạm Thị Minh T và bị đơn anh Bùi Văn Th, báo cho họ biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Đức Thuỷ - Vũ Thị Minh Thuỳ **Nguyễn Thanh Hải**